

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Dung
- Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXX-ST ngày 09/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; nơi cư trú: Số 161, Tổ dân phố 3, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Bùi Duy T; địa chỉ: Tổ dân phố Tỉnh Thủy 1, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận An Dương (nay là phường An Phong, thành phố Hải Phòng) năm 2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn Tỉnh Thủy 1, An Hòa, An Dương. Cuộc sống chung đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh T mãi chơi và sống ly thân từ đó. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là Bùi Gia M sinh năm 2010, Bùi Gia L sinh năm 2014 và Bùi Minh H sinh năm 2017. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cả 3 con. Không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Bùi Duy T; về con chung, giao con Bùi Gia M, Bùi Gia L và Bùi Minh H cho chị T nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án được Tòa án nhân dân quận An Dương thụ lý đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập tòa án khu vực, Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng thành Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng. Nay Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về tiếp nhận nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T được Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện An Dương (nay là phường An Phong, thành phố Hải Phòng) cấp chứng nhận kết hôn số 62 ngày 26/4/2010 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp và sống ly thân. Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có các con như chị T trình bày ở trên là đúng. Việc chị T nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi cả ba con Bùi Gia M, Bùi Gia L và Bùi Minh H là bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng được ở với mẹ của các con nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Bùi Duy T.

Về con chung: Giao các con Bùi Gia M sinh ngày 29/7/2010, Bùi Gia L sinh ngày 19/4/2014 và Bùi Minh H sinh ngày 02/02/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 8750 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Chị T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường An Phong, TP Hải Phòng (ĐKKH số 62/2010);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

